

Số: 5625 /TB-SYT

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO TẠM THỜI

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2025; đăng ký khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ các Văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam hiện hành;

Căn cứ điều kiện của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở Biên bản họp liên ngành ngày 06/12/2024 giữa Sở Y tế với Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên.

Sở Y tế ban hành Thông báo tạm thời cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) bảo hiểm y tế (BHYT) năm 2025; đăng ký khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2025 như sau:

1. CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT

Tổng số 218 cơ sở đủ điều kiện KBCB BHYT, gồm:

- 01 cơ sở Cấp chuyên sâu tuyến Trung ương;
- 10 cơ sở Cấp cơ bản thuộc tuyến tỉnh và tương đương;
- 28 cơ sở Cấp cơ bản, Cấp ban đầu thuộc tuyến huyện và tương đương;
- 07 cơ sở Cấp ban đầu là Trạm y tế cơ quan, đơn vị, trường học;
- 172 cơ sở Cấp ban đầu là Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

2. CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ KBCB BHYT BAN ĐẦU

Có 213 cơ sở đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu, gồm:

2.1. Cơ sở đăng ký KBCB BHYT Cấp ban đầu (tuyến xã và tương đương):

Có 179 cơ sở, gồm: Trạm y tế các xã, phường, thị trấn; Trạm xá, Trạm y tế của cơ quan, đơn vị.

2.2. Cơ sở đăng ký KBCB BHYT Cấp cơ bản, Cấp ban đầu (tuyển huyện và tương đương):

Có 27 cơ sở, gồm: Bệnh viện đa khoa/Trung tâm y tế tuyển huyện 2 chức năng; Bệnh viện tư nhân; Phân viện Trại cau; Bệnh xá Công an tỉnh; Phòng khám đa khoa; Bệnh viện Trường đại học Y – Dược trực thuộc Trường đại học Y dược, Đại học Thái Nguyên.

2.3. Cơ sở đăng ký KBCB BHYT Cấp cơ bản (tuyển tỉnh và tương đương):

Có 06 cơ sở, gồm: Bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tuyển tỉnh.

2.4. Cơ sở đăng ký KBCB BHYT Cấp chuyên sâu (tuyển Trung ương và tương đương):

Có 01 cơ sở: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

(Chi tiết các cơ sở đủ điều kiện KBCB BHYT và đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này)

3. THÔNG BÁO TẠM THỜI NGƯỜI THAM GIA BHYT LỰA CHỌN ĐĂNG KÝ KBCB BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU TẠI CƠ SỞ KBCB

3.1. Người tham gia BHYT tại tỉnh Thái Nguyên được quyền lựa chọn đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại một trong các cơ sở KBCB sau đây không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với nơi làm việc, nơi cư trú và khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Cụ thể như sau:

- **Cấp ban đầu (tuyển xã và tương đương):** *Quy định tại Mục 2.1 Thông báo này.*

- **Cấp ban đầu; Cấp cơ bản (tuyển huyện và tương đương):** *Quy định tại Mục 2.2 Thông báo này.*

3.2. Người tham gia BHYT được đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Cấp cơ bản (tuyển tỉnh và tương đương); Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (Cấp chuyên sâu):

Người tham gia BHYT ngoài việc lựa chọn đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại các cơ sở KBCB theo quy định tại Mục 3.1 Thông báo này. Các đối tượng sau đây được đăng ký KBCB BHYT ban đầu tại Cấp cơ bản (tuyển tỉnh và tương đương), Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (Cấp chuyên sâu), cụ thể như sau:

3.2.1. Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên:

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe của Trung ương;
- Cán bộ, công nhân viên chức Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên;
- Người có công với cách mạng;
- Người từ 80 tuổi trở lên;

3.2.2. Bệnh viện A Thái Nguyên

3.2.2.1. Đối tượng được Khám, quản lý sức khỏe cán bộ:

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh (*đương chức hoặc đã nghỉ hưu*) theo quy định tại các quyết định hoặc thông báo của Tỉnh ủy Thái Nguyên;

- Đối tượng là cán bộ đang công tác: Thầy thuốc, nhà giáo, nghệ sỹ được phong tặng Danh hiệu Nhân dân, Ưu tú; cán bộ, nhân viên công tác tại các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên (*gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo*

Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh); Văn phòng Đoàn ĐBQH; Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Lưu trữ tỉnh.

3.2.2.2. Các đối tượng khác:

- Cán bộ, công nhân viên chức bệnh viện A Thái Nguyên;
- Cán bộ, công nhân viên chức Trung tâm Giám định y khoa Thái Nguyên;
- Cán bộ, công nhân viên chức Trung tâm Pháp Y Thái Nguyên;
- Cán bộ, công nhân viên chức Trung tâm Kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế;
- Cán bộ, công nhân viên chức bệnh viện Sức khỏe Tâm thần;
- Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng Tâm thần kinh Thái Nguyên;
- Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 80 tuổi trở lên;
- Trẻ em dưới 6 tuổi;
- Người có HIV/AIDS đang được quản lý, điều trị ngoại trú tại Phòng khám điều trị ngoại trú - Bệnh viện A Thái Nguyên.

3.2.3. Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh (có Phòng khám đa khoa):

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe của tỉnh;
- Cán bộ, công nhân viên chức của bệnh viện;
- Cán bộ, công nhân viên chức bệnh viện chuyên khoa và các Trung tâm tuyến tỉnh lân cận.
- Người có công với cách mạng;
- Người từ 80 tuổi trở lên;
- Trẻ em dưới 6 tuổi (*đối với các cơ sở KCB có phòng khám chuyên khoa nhi*);
- Người có HIV/AIDS đang được quản lý, điều trị ngoại trú tại Phòng khám điều trị ngoại trú của Bệnh viện (nếu có).

3.2.4. Bệnh viện Quân y 91/Quân khu I:

- Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe của tỉnh;
- Cán bộ, chiến sỹ của bệnh viện Quân y 91;
- Người có công với cách mạng;
- Người từ 80 tuổi trở lên;
- Người tham gia quân đội đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. CHUYỂN TUYẾN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT

4.1. Quy định về chuyển tuyến KBCB:

Người bệnh có thể bảo hiểm y tế được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh tùy theo mức độ bệnh tật, phù hợp với phạm vi chuyên môn và phân tuyến kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 và Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Cụ thể:

1) Chuyển người bệnh từ Cấp ban đầu đến Cấp chuyên sâu (từ tuyến dưới lên tuyến trên):

a) Chuyển người bệnh từ Cấp ban đầu đến Cấp chuyên sâu (từ tuyến dưới lên tuyến trên) liên kết theo trình tự:

Cấp ban đầu chuyển lên Cấp cơ bản (tuyến huyện và tương đương); Cấp cơ bản (tuyến huyện và tương đương) chuyển lên Cấp cơ bản (tuyến tỉnh và tương đương); Cấp cơ bản (tuyến tỉnh và tương đương) chuyển lên Cấp chuyên sâu (tuyến Trung ương và tương đương). (*Quy định tại Mục 2 Thông báo này*);

b) Chuyển người bệnh không theo trình tự quy định tại Điểm a nếu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Cấp chuyên môn (tuyến trên) liền kề không có dịch vụ kỹ thuật phù hợp thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Cấp chuyên môn tuyến dưới được chuyển lên Cấp chuyên môn cao hơn.

2) Chuyển người bệnh từ Cấp chuyên môn cao hơn về Cấp chuyên môn thấp hơn (tuyến trên về tuyến dưới).

3) Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng Cấp chuyên môn.

Lưu ý: Các cơ sở KBCB căn cứ Khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế để thực hiện chuyển tuyến khám chữa bệnh đúng quy định.

4.2. Các trường hợp được xác định là đúng tuyến KBCB BHYT:

1) Người có thẻ bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Cấp ban đầu, Cấp cơ bản (*tuyến huyện hoặc tương đương*) được quyền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa, hoặc bệnh viện huyện/Trung tâm y tế huyện trong cùng địa bàn tỉnh không cần có giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm quyền lợi BHYT như đối với các trường hợp khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến chuyên môn kỹ thuật.

2) Người có thẻ bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại Cấp cơ bản (*tuyến tỉnh hoặc tương đương*) hoặc bệnh viện Cấp chuyên sâu (*Bệnh viện Trung ương hoặc tương đương*) được quyền khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại bệnh viện huyện/Trung tâm y tế huyện không cần có giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm quyền lợi BHYT như đối với các trường hợp khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến chuyên môn kỹ thuật.

3) Người có thẻ BHYT đăng ký KBCB ban đầu tại Cấp ban đầu (*Trạm Y tế xã hoặc tương đương*) chuyển tuyến đến bệnh viện huyện/TTYT tuyến huyện, bao gồm cả các bệnh viện huyện/TTYT huyện và bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh (*trong trường hợp bệnh viện huyện/TTYT huyện không có khoa y học cổ truyền*).

4) Người có thẻ bảo hiểm y tế được bệnh viện huyện/TTYT huyện và bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tỉnh chuyển đến bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tỉnh.

5) Trường hợp cấp cứu:

a) Người bệnh được cấp cứu tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào. Bác sĩ hoặc y sĩ tiếp nhận người bệnh đánh giá, xác định tình trạng cấp cứu và ghi vào hồ sơ, bệnh án.

b) Sau giai đoạn điều trị cấp cứu, người bệnh được chuyển vào điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã tiếp nhận cấp cứu người bệnh hoặc được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác để tiếp tục điều trị theo yêu cầu chuyên môn hoặc được chuyển về nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu sau khi đã điều trị ổn định.

6) Trường hợp người bệnh được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh có bệnh khác kèm theo, bệnh được phát hiện hoặc phát sinh ngoài bệnh đã ghi trên giấy

chuyên viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận người bệnh thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh đó trong phạm vi chuyên môn.

7) Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian đi công tác, làm việc lưu động, học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo, tạm trú được khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng Cấp chuyên môn hoặc tương đương với cơ sở đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu ghi trên thẻ bảo hiểm y tế và phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 và Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ.

8) Người tham gia bảo hiểm y tế khi tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng Cấp chuyên môn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Cấp cơ bản của các cơ sở tuyến tỉnh được quỹ bảo hiểm y tế chi trả 100% chi phí điều trị nội trú theo mức hưởng.

4.3. Chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên các địa bàn giáp ranh để bảo đảm điều kiện thuận lợi cho người bệnh:

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, địa lý giữa các cơ sở y tế xã/phường/thị trấn nằm ở vùng giáp ranh với các bệnh viện tỉnh và Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân, Giám đốc Sở Y tế quy định cụ thể một số cơ sở y tế tuyến dưới được phép chuyển thẳng người bệnh vượt tuyến.

(Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này).

Lưu ý: Các Trạm y tế, trạm xá, phòng y tế của cơ quan, đơn vị đóng trên địa giới của xã, phường được phép chuyển vượt tuyến cũng được chuyển thẳng người bệnh vượt tuyến như Trạm Y tế xã, phường đó.

4.4. Chuyển thẳng đến Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần tỉnh Thái Nguyên:

Các Trạm y tế xã và các cơ sở KBCB khác được chuyển thẳng đến Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần tỉnh Thái Nguyên những trường hợp bệnh động kinh và các bệnh rối loạn tâm thần khác cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế Ban hành danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

4.5. Chuyển KBCB BHYT đối với bệnh nhân mắc bệnh lao:

1) Việc chuyển khám bệnh, chữa bệnh lao đối với người tham gia bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2015/TT-BYT và một trong các trường hợp cụ thể quy định tại các điểm 2, 3, 4 và 5 Mục này được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế *(theo quy định tại Thông tư số 36/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế Quy định khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao)*:

2) Người tham gia bảo hiểm y tế bị nghi mắc bệnh lao, mắc bệnh lao, mắc bệnh lao kháng thuốc, lao tiềm ẩn được xác định là đúng Cấp chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế khi thuộc các trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

3) Người nghi mắc bệnh lao, mắc bệnh lao và lao tiềm ẩn được xác định là đúng Cấp chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau đây:

a) Thực hiện đúng quy định tại các điểm 1, 2 Mục này;

b) Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại Trạm y tế xã được chuyển lên Cấp cơ bản *(tuyến tỉnh và tương đương)* và ngược lại.

4) Người mắc bệnh lao kháng thuốc được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau đây:

- a) Thực hiện đúng quy định tại các điểm 1, 2 Mục này;
- b) Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh Cấp ban đầu tại Trạm Y tế xã được chuyển lên Cấp cơ bản (*tuyến tỉnh và tương đương*) và ngược lại;
- c) Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại Cấp cơ bản (*tuyến huyện và tương đương*) được chuyển lên Bệnh viện Cấp chuyên sâu (*Bệnh viện Trung ương hoặc tương đương*) và ngược lại.

5) Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế chưa biết mình bị mắc bệnh lao mà lần đầu đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và được chẩn đoán xác định mắc bệnh lao, sau đó người bệnh được chuyển tuyến theo quy định tại các điểm 1, 2, 3, 4 Mục này.

4.6. Trường hợp người có thẻ BHYT mắc một trong các bệnh quy định tại Phụ lục của Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế thì giấy chuyển tuyến có giá trị và được hẹn khám lại đến hết năm dương lịch (ngày 31/12). Trường hợp đến hết ngày 31/12, người bệnh vẫn đang điều trị nội trú và thẻ BHYT còn giá trị sử dụng thì giấy chuyển tuyến có giá trị sử dụng hết đợt điều trị nội trú đó. Cơ sở KBCB cấp giấy hẹn cho lần khám sau, lưu ý hẹn các lần khám trong hồ sơ thanh toán.

(Phụ lục 3 kèm theo Thông báo này)

4.7. Mẫu giấy hẹn khám lại và giấy chuyển tuyến:

Thực hiện theo Mẫu số 5 và Mẫu số 6 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ.

5. Điều khoản chuyển tiếp

- Khi Bộ Y tế, BHXH Việt Nam có văn bản hướng dẫn mới, Sở Y tế và BHXH tỉnh sẽ hợp thống nhất tiếp thu, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hướng dẫn hiện hành.

- Khi có văn bản sửa đổi hoặc thay thế các văn bản dẫn chiếu trong hướng dẫn này thì thực hiện theo văn bản hướng dẫn mới, Sở Y tế sẽ có văn bản điều chỉnh hướng dẫn theo quy định.

Trên đây là nội dung Thông báo tạm thời đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển khám, chữa bệnh BHYT năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thông báo này thực hiện từ ngày 01/01/2025, trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Y tế để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- UBND huyện, thành phố (P/hợp chi đạo);
- Đại học Thái Nguyên;
- Ban GD SYT;
- Bệnh xá Công an tỉnh;
- Các PKĐK; Y tế cơ quan, đơn vị;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Các phòng thuộc SYT;
- Website SYT Thái Nguyên;
- Lưu: VT, NVY (Hanhtd60b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Thị Bình

PHỤ LỤC 1

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
BẢO HIỂM Y TẾ VÀ ĐĂNG KÝ BAN ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số 5625 /HD-SYT ngày 30/12/2024 của Sở Y tế Thái Nguyên)

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
A.		Bệnh viện tuyến Trung ương	1	1
1	19010	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	x	x
B.		Bệnh viện tuyến tỉnh và tương đương	10	6
1	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	x	x
2	19013	Bệnh viện C Thái Nguyên	x	x
3	19014	Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	x	x
4	19015	Bệnh viện Quân y 91/Quân khu I	x	x
5	19044	Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Nguyên	x	x
6	19047	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	x	
7	19048	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thái Nguyên	x	x
8	19045	Bệnh viện Phổi	x	
9	19046	Bệnh viện Mắt Thái Nguyên	x	
10	19049	Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Thái Nguyên	x	
C.		Bệnh viện tuyến huyện và tương đương	28	27
1	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	x	x
2	19002	Trung tâm y tế thành phố Sông Công	x	x
3	19008	Trung tâm y tế thành phố Phổ Yên	x	x
4	19004	Trung tâm y tế huyện Phú Lương	x	x
5	19006	Trung tâm y tế huyện Võ Nhai	x	x
6	19005	Trung tâm y tế huyện Đồng Hỷ	x	x
7	19003	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	x	x
8	19007	Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ	x	x
9	19009	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	x	x
10	19020	Phân viện Trại Cau (trực thuộc TTYT huyện Đồng Hỷ)	x	x
11	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, trực thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên	x	x
12	19666	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Chi nhánh CTCP tập đoàn bệnh viện TNH)	x	x
13	19133	Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên (Chi nhánh CTCP tập đoàn bệnh viện TNH)	x	x

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
14	19018	Bệnh viện đa khoa tư nhân An Phú (Công ty TNHH Hoàng Hà - BVĐK An Phú)	x	x
15	19022	Bệnh viện đa khoa Việt Bắc I (Công ty TNHH Hoàng Hà - BVĐK Việt Bắc I)	x	x
16	19016	Bệnh viện đa khoa tư nhân Trung tâm (Công ty CP Bệnh viện đa khoa Trung Tâm)	x	x
17	19356	Bệnh viện Mắt Thái Hà thuộc Công ty CP Bệnh viện Thái Hà	x	
18	19130	Bệnh viện đa khoa Thủ Đô thuộc Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thủ Đô	x	x
19	19129	Bệnh xá Công an tỉnh Thái Nguyên (có điều trị nội trú)	x	x
20	19023	Phòng khám đa khoa Hà Nội - Thái Nguyên	x	x
21	19017	Phòng khám đa khoa Việt Bắc	x	x
22	19025	Công ty cổ phần y tế tổng hợp Minh Đức - Chi nhánh phòng khám đa khoa Minh Đức	x	x
23	19132	Phòng khám đa khoa Thi Vân - Công ty TNHH Y dược Thi Vân	x	x
24	19153	Phòng khám đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên	x	x
25	19136	Phòng khám đa khoa Ngôi Sao	x	x
26	19138	Phòng khám đa khoa Hà Nội - Phú Bình	x	x
27	19139	Phòng khám đa khoa C-MEC Đại Từ	x	x
28	19149	Phòng khám đa khoa GREENLIGHT Diêm Thụy	x	x
D.		Trạm y tế xã, phường, thị trấn	172	172
I		Thành phố Thái Nguyên	32	32
1	19101	Trạm Y tế phường Quán Triều	x	x
2	19102	Trạm Y tế phường Quang Vinh	x	x
3	19103	Trạm Y tế phường Túc Duyên	x	x
4	19106	Trạm Y tế phường Quang Trung	x	x
5	19108	Trạm Y tế phường Tân Thịnh	x	x
6	19109	Trạm Y tế phường Thịnh Đán	x	x
7	19111	Trạm Y tế phường Gia Sàng	x	x
8	19112	Trạm Y tế phường Tân Lập	x	x
9	19113	Trạm Y tế phường Cam Giá	x	x
10	19114	Trạm Y tế phường Phú Xá	x	x
11	19115	Trạm Y tế phường Hương Sơn	x	x
12	19116	Trạm Y tế phường Trung Thành	x	x

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
13	19117	Trạm Y tế phường Tân Thành	x	x
14	19118	Trạm Y tế phường Tân Long	x	x
15	19128	Trạm Y tế phường Đồng Bầm	x	x
16	19502	Trạm Y tế phường Chùa hang	x	x
17	19124	Trạm Y tế phường Tích Lương	x	x
18	19105	Trạm Y tế phường Trung Vương	x	x
19	19107	Trạm Y tế phường Phan Đình Phùng	x	x
20	19104	Trạm Y tế phường Hoàng Văn Thụ	x	x
21	19110	Trạm Y tế phường Đồng Quang	x	x
22	19119	Trạm Y tế xã Phúc Hà	x	x
23	19120	Trạm Y tế xã Phúc Xuân	x	x
24	19121	Trạm Y tế xã Quyết Thắng	x	x
25	19122	Trạm Y tế xã Phúc Trìu	x	x
26	19123	Trạm Y tế xã Thịnh Đức	x	x
27	19125	Trạm Y tế xã Tân Cương	x	x
28	19127	Trạm Y tế xã Cao Ngạn	x	x
29	19416	Trạm Y tế xã Sơn Cẩm	x	x
30	19516	Trạm Y tế xã Linh Sơn	x	x
31	19520	Trạm Y tế xã Huống Thượng	x	x
32	19903	Trạm Y tế xã Đồng Liên	x	x
II.		Thành phố Sông Công	10	10
1	19134	Trạm Y tế phường Châu Sơn	x	x
2	19202	Trạm Y tế phường Mỏ Chè	x	x
3	19203	Trạm Y tế phường Cải Đan	x	x
4	19204	Trạm Y tế phường Thắng Lợi	x	x
5	19205	Trạm Y tế phường Phố Cò	x	x
6	19024	Trạm Y tế phường Bách Quang	x	x
7	19126	Trạm Y tế phường Lương Sơn	x	x
8	19207	Trạm Y tế xã Tân Quang	x	x
9	19208	Trạm Y tế xã Bình Sơn	x	x
10	19209	Trạm Y tế xã Bá Xuyên	x	x
III.		Huyện Định Hoá	22	22
1	19302	Trạm Y tế xã Linh Thông	x	x
2	19303	Trạm Y tế xã Lam Vỹ	x	x
3	19304	Trạm Y tế xã Quy Kỳ	x	x

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
4	19305	Trạm Y tế xã Tân Thịnh	x	x
5	19306	Trạm Y tế xã Kim Phượng	x	x
6	19307	Trạm Y tế xã Bảo Linh	x	x
7	19309	Trạm Y tế xã Phúc Chu	x	x
8	19310	Trạm Y tế xã Tân Dương	x	x
9	19311	Trạm Y tế xã Phượng Tiến	x	x
10	19313	Trạm Y tế xã Đồng Thịnh	x	x
11	19314	Trạm Y tế xã Định Biên	x	x
12	19315	Trạm Y tế xã Thanh Định	x	x
13	19316	Trạm Y tế xã Trung Hội	x	x
14	19317	Trạm Y tế xã Trung Lương	x	x
15	19318	Trạm Y tế xã Bình Yên	x	x
16	19319	Trạm Y tế xã Diềm Mặc	x	x
17	19320	Trạm Y tế xã Phú Tiến	x	x
18	19321	Trạm Y tế xã Bộc Nhiêu	x	x
29	19322	Trạm Y tế xã Sơn Phú	x	x
20	19323	Trạm Y tế xã Phú Đình	x	x
21	19324	Trạm Y tế xã Bình Thành	x	x
22	19301	Trạm Y tế thị trấn Chợ Chu	x	x
IV.		Huyện Phú Lương	14	14
1	19401	Trạm Y tế thị trấn Giang Tiên	x	x
2	19403	Trạm Y tế xã Yên Ninh	x	x
3	19404	Trạm Y tế xã Yên Trạch	x	x
4	19405	Trạm Y tế xã Yên Đổ	x	x
5	19406	Trạm Y tế xã Yên Lạc	x	x
6	19407	Trạm Y tế xã Ôn Lương	x	x
7	19408	Trạm Y tế xã Động Đạt	x	x
8	19409	Trạm Y tế xã Phú Lý	x	x
9	19410	Trạm Y tế xã Phú Đô	x	x
10	19411	Trạm Y tế xã Hợp Thành	x	x
11	19412	Trạm Y tế xã Tức Tranh	x	x
12	19414	Trạm Y tế xã Vô Tranh	x	x
13	19415	Trạm Y tế xã Cổ Lũng	x	x
14	19402	Trạm Y tế thị trấn Đu	x	x
V.		Huyện Đông Hy	14	14

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
1	19501	Trạm Y tế thị trấn Sông Cầu	x	x
2	19503	Trạm Y tế thị trấn Trại Cau	x	x
3	19504	Trạm Y tế xã Văn Lăng	x	x
4	19505	Trạm Y tế xã Tân Long	x	x
5	19506	Trạm Y tế xã Hòa Bình	x	x
6	19507	Trạm Y tế xã Quang Sơn	x	x
7	19508	Trạm Y tế xã Minh Lập	x	x
8	19509	Trạm Y tế xã Văn Hán	x	x
9	19510	Trạm Y tế xã Hóa Trung	x	x
10	19511	Trạm Y tế xã Khe Mo	x	x
11	19512	Trạm Y tế xã Cây Thị	x	x
12	19513	Trạm Y tế thị trấn Hóa Thượng	x	x
13	19515	Trạm Y tế xã Hợp Tiến	x	x
14	19518	Trạm Y tế xã Nam Hòa	x	x
VI.		Huyện Võ Nhai	15	15
1	19601	Trạm Y tế thị trấn Đình Cả	x	x
2	19602	Trạm Y tế xã Sảng Mộc	x	x
3	19603	Trạm Y tế xã Nghinh Tường	x	x
4	19604	Trạm y tế xã Thần Xa	x	x
5	19605	Trạm Y tế xã Vũ Chấn	x	x
6	19606	Trạm Y tế xã Thượng Nung	x	x
7	19607	Trạm Y tế xã Phú Thượng	x	x
8	19608	Trạm Y tế xã Cúc Đường	x	x
9	19609	Trạm Y tế xã La Hiên	x	x
10	19610	Trạm Y tế xã Lâu Thượng	x	x
11	19611	Trạm Y tế xã Tràng Xá	x	x
12	19612	Trạm Y tế xã Phương Giao	x	x
13	19613	Trạm Y tế xã Liên Minh	x	x
14	19614	Trạm Y tế xã Dân Tiến	x	x
15	19615	Trạm Y tế xã Bình Long	x	x
VII.		Huyện Đại Từ	27	27
1	19135	Trạm Y tế thị trấn Hùng Sơn	x	x
2	19702	Trạm Y tế thị trấn Quân Chu	x	x
3	19732	Trạm Y tế xã Minh Tiến	x	x
4	19703	Trạm Y tế xã Phúc Lương	x	x

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
5	19705	Trạm Y tế xã Yên Lãng	x	x
6	19706	Trạm Y tế xã Đức Lương	x	x
7	19707	Trạm Y tế xã Phú Cường	x	x
8	19709	Trạm Y tế xã Phú Lạc	x	x
9	19710	Trạm Y tế xã Tân Linh	x	x
10	19711	Trạm Y tế xã Phú Thịnh	x	x
11	19712	Trạm Y tế xã Phục Linh	x	x
12	19713	Trạm Y tế xã Phú Xuyên	x	x
13	19714	Trạm Y tế xã Bản Ngoại	x	x
14	19715	Trạm Y tế xã Tiên Hội	x	x
15	19717	Trạm Y tế xã Cù Vân	x	x
16	19718	Trạm Y tế xã Hà Thượng	x	x
17	19719	Trạm Y tế xã La Bằng	x	x
18	19720	Trạm Y tế xã Hoàng Nông	x	x
19	19721	Trạm Y tế xã Khôi Kỳ	x	x
20	19722	Trạm Y tế xã An Khánh	x	x
21	19723	Trạm Y tế xã Tân Thái	x	x
22	19724	Trạm Y tế xã Bình Thuận	x	x
23	19725	Trạm Y tế xã Lục Ba	x	x
24	19726	Trạm Y tế xã Mỹ Yên	x	x
25	19759	Trạm Y tế xã Vạn Phú	x	x
26	19728	Trạm Y tế xã Văn Yên	x	x
27	19730	Trạm Y tế xã Cát Nê	x	x
VIII.		Thành phố Phổ Yên	18	18
1	19801	Trạm Y tế phường Bãi Bông	x	x
2	19802	Trạm Y tế phường Bắc Sơn	x	x
3	19803	Trạm Y tế phường Ba Hàng	x	x
4	19809	Trạm Y tế phường Đồng Tiến	x	x
5	19804	Trạm Y tế xã Phúc Tân	x	x
6	19805	Trạm Y tế xã Phúc Thuận	x	x
7	19806	Trạm Y tế phường Hồng Tiến	x	x
8	19807	Trạm Y tế xã Minh Đức	x	x
9	19808	Trạm Y tế phường Đắc Sơn	x	x
10	19810	Trạm Y tế xã Thành Công	x	x
11	19811	Trạm Y tế phường Tiên Phong	x	x

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KBCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KBCB BHYT ban đầu
12	19812	Trạm Y tế xã Vạn Phái	x	x
13	19813	Trạm Y tế phường Nam Tiến	x	x
14	19814	Trạm Y tế phường Tân Hương	x	x
15	19815	Trạm Y tế phường Đông Cao	x	x
16	19116	Trạm Y tế phường Trung Thành	x	x
17	19817	Trạm Y tế phường Tân Phú	x	x
18	19818	Trạm Y tế phường Thuận Thành	x	x
IX.		Huyện Phú Bình	20	20
1	19901	Trạm Y tế thị trấn Hương Sơn	x	x
2	19902	Trạm Y tế xã Bàn Đạt	x	x
3	19904	Trạm Y tế xã Tân Khánh	x	x
4	19905	Trạm Y tế xã Tân Kim	x	x
5	19906	Trạm Y tế xã Tân Thành	x	x
6	19907	Trạm Y tế xã Đào Xá	x	x
7	19908	Trạm Y tế xã Bảo Lý	x	x
8	19909	Trạm Y tế xã Thượng Đình	x	x
9	19910	Trạm Y tế xã Tân Hòa	x	x
10	19911	Trạm Y tế xã Nhã Lộ	x	x
11	19912	Trạm Y tế xã Diêm Thụy	x	x
12	19913	Trạm Y tế xã Xuân Phương	x	x
13	19914	Trạm Y tế xã Tân Đức	x	x
14	19915	Trạm Y tế xã Úc Kỳ	x	x
15	19916	Trạm Y tế xã Lương Phú	x	x
16	19917	Trạm Y tế xã Nga My	x	x
17	19918	Trạm Y tế xã Kha Sơn	x	x
18	19919	Trạm Y tế xã Thanh Ninh	x	x
19	19920	Trạm Y tế xã Dương Thành	x	x
20	19921	Trạm Y tế xã Hà Châu	x	x
E.		Y tế cơ quan, đơn vị, trường học	7	7
1	19056	Trạm y tế Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (Văn phòng CT, Xí nghiệp Năng lượng, NM Cán thép Thái Nguyên, NM Cốc Hoá, NM Luyện Gang, NM Luyện Thép, XN vận tải đường sắt, NM Cán thép Lưu Xá, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp).	x	x
2	19054	Trạm Y tế Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông	x	x

STT	Mã cơ sở KCB	TÊN CƠ SỞ KCB	Đủ điều kiện KCB BHYT	Đủ điều kiện đăng ký KCB BHYT ban đầu
3	19050	Trạm Y tế Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	x	x
4	19051	Trạm Y tế Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	x	x
5	19089	Trạm Y tế Trường Đại học Khoa học	x	x
6	19053	Trạm Y tế Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	x	x
7	19158	Trạm Y tế Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc	x	x
		TOÀN TỈNH	218	213

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KCB ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN THĂNG NGƯỜI BỆNH BHYT ĐẾN CƠ SỞ KCB VÙNG GIÁP RANH NĂM 2025 (Kèm theo Thông báo số 5625 /TB-SYT ngày 30 /12/2024 của Sở Y tế Thái Nguyên)

Ngoài việc thực hiện chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh từ Cấp ban đầu (tuyến xã và tương đương) lên Cấp cơ bản (tuyến huyện và tương đương); từ Cấp cơ bản (tuyến huyện và tương đương) lên Cấp cơ bản (tuyến tỉnh và tương đương); Cấp cơ bản (tuyến huyện và tương đương) lên Cấp chuyên sâu (tuyến Trung ương và tương đương) theo quy định. Các cơ sở khám bệnh chữa bệnh sau đây căn cứ loại bệnh, mức độ bệnh có thể chuyển thẳng người bệnh vượt tuyến đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên và được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, cụ thể như sau:

STT	TÊN CƠ SỞ KCB NƠI CHUYỂN ĐI	BỆNH VIỆN ĐƯỢC CHUYỂN ĐẾN
I	Thành phố Thái Nguyên	
1	Trạm Y tế xã Tân Cương	Bệnh viện A Thái Nguyên
2	Trạm Y tế xã Thịnh Đức	
3	Trạm Y tế phường Thịnh Đán	
4	Trạm Y tế phường Tân Thịnh	
5	Trạm Y tế xã Quyết Thắng	
6	Trạm Y tế xã Phúc Xuân	
7	Trạm Y tế xã Phúc Triu	
8	Trạm Y tế phường Tân Lập	BV Phổi (nhóm bệnh Hen phế quản và Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính)
9	Trạm Y tế phường Tân Thịnh	
10	Trạm Y tế phường Thịnh Đán	
11	Trạm Y tế phường Phú Xá	
12	Trạm Y tế phường Cam Giá	Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên
13	Trạm Y tế phường Tích Lương	
14	Trạm Y tế xã Đồng Liên	
15	Trạm Y tế phường Trung Thành	
16	Trạm Y tế phường Hương Sơn	
17	Trạm Y tế phường Tân Thành	
18	Trạm Y tế phường Phú Xá	
19	Trạm Y tế phường Đồng Bẩm	BV PHCN (nhóm bệnh PHCN)
20	Trạm Y tế phường Túc Duyên	
21	Trạm Y tế xã Linh Sơn	
22	Trạm Y tế xã Huống Thượng	
23	Trung tâm y tế Thành phố Thái Nguyên	BV Trung ương Thái Nguyên
24	Trạm Y tế phường Hoàng Văn Thụ	
25	Trạm Y tế phường Đồng Quang	
26	Trạm Y tế phường Phan Đình Phùng	

STT	TÊN CƠ SỞ KCB NƠI CHUYỂN ĐI	BỆNH VIỆN ĐƯỢC CHUYỂN ĐẾN
27	Trạm Y tế phường Hoàng Văn Thụ	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
28	Trạm Y tế phường Đồng Quang	
29	Trạm Y tế phường Quang Trung	
30	Trạm Y tế phường Tân Thịnh	BV YHCT Thái Nguyên (nhóm bệnh YHCT)
II	Thành phố Sông Công	
1	Trạm Y tế xã Tân Quang	* Bệnh viện C Thái Nguyên * Bệnh viện Gang Thép TN
2	Trạm Y tế phường Lương Sơn	
3	Trạm Y tế phường Cải Đan	Bệnh viện C Thái Nguyên
4	Trạm Y tế phường Phố Cò	
III	Thành phố Phổ Yên	
1	Trạm Y tế xã Phúc Tân	Bệnh viện A Thái Nguyên
2	Trạm Y tế phường Hồng Tiến	Bệnh viện C Thái Nguyên
3	Trạm Y tế phường Nam Tiến	Bệnh viện Quân y 91
4	Trạm Y tế phường Đắc Sơn	
IV	Huyện Phú Lương	
1	Trung tâm y tế huyện Phú Lương	BV Trung ương Thái Nguyên (Nhóm bệnh ung thư, tim mạch có can thiệp)
V	Huyện Đồng Hỷ	
1	Trung tâm y tế huyện Đồng Hỷ	BV Trung ương Thái Nguyên
2	Phân viện Trại Cau	BV Trung ương Thái Nguyên (Nhóm bệnh ung thư, tim mạch có can thiệp, nội tiết, chạy thận nhân tạo, chấn thương nặng).
VI	Huyện Võ Nhai	
1	Trung tâm y tế huyện Võ Nhai	BV Trung ương Thái Nguyên
VII	Huyện Đại Từ	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ	BV Trung ương Thái Nguyên (Nhóm bệnh ung thư, tim mạch có can thiệp).
2	Trạm y tế xã An Khánh	* Bệnh viện Mắt Thái Nguyên (nhóm bệnh về Mắt) * Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
3	Trạm y tế xã Cù Vân	
VIII	Huyện Phú Bình	
1	Trạm Y tế xã Thượng Đình	Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên
2	Trạm Y tế xã Bàn Đạt	
IX	Huyện Định Hóa	

STT	TÊN CƠ SỞ KCB NỘI CHUYỂN ĐI	BỆNH VIỆN ĐƯỢC CHUYỂN ĐẾN
1	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	BV Trung ương Thái Nguyên (Nhóm bệnh ung bướu, tim mạch có can thiệp, XQ mạch máu và can thiệp, cấp cứu có hộ tống CBYT).
X.	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược, trực thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên	BV Trung ương Thái Nguyên
XI	Các cơ sở y tế tư nhân	
1	Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	BV Trung ương Thái Nguyên
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân Trung tâm	
3	Bệnh viện đa khoa tư nhân An Phú	
4	Bệnh viện đa khoa Việt Bắc I	
5	Phòng khám đa khoa Hà Nội - Thái Nguyên	
6	Công ty cổ phần y tế tổng hợp Minh Đức - Chi nhánh phòng khám đa khoa Minh Đức	
XII	Cơ sở khám, chữa bệnh cơ quan, đơn vị, tổ chức	
1	Bệnh xá Công an tỉnh Thái Nguyên	BV Trung ương Thái Nguyên
2	Các khối trường thuộc Đại học Thái Nguyên	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

PHỤ LỤC 3

**DANH MỤC CÁC BỆNH, NHÓM BỆNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP
ĐƯỢC SỬ DỤNG GIẤY CHUYỂN TUYẾN TRONG NĂM DƯƠNG LỊCH
(Kèm theo Thông báo số 5625/TB-SYT ngày 30/12/2024 của Sở Y tế Thái Nguyên)**

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp
1	Lao (các loại)
2	Bệnh Phong
3	HIV/AIDS
4	Di chứng viêm não; Bại não; Liệt tứ chi ở trẻ em dưới 6 tuổi
5	Xuất huyết trong não
6	Dị tật não, não úng thủy
7	Động kinh
8	Ung thư *
9	U nhú thanh quản
10	Đa hồng cầu
11	Thiếu máu bất sản tủy
12	Thiếu máu tế bào hình liềm
13	Bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia)
14	Tan máu tự miễn
15	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch
16	Đái huyết sắc tố kịch phát ban đêm
17	Bệnh Hemophilia
18	Các thiếu hụt yếu tố đông máu
19	Các rối loạn đông máu
20	Von Willebrand
21	Bệnh lý chức năng tiểu cầu
22	Hội chứng thực bào tế bào máu
23	Hội chứng Anti – Phospholipid
24	Hội chứng Tuner
25	Hội chứng Prader Willi
26	Suy tủy
27	Tăng sinh tủy - suy giảm miễn dịch bẩm sinh do thiếu hụt gamaglobulin
28	Tăng sinh tủy - suy giảm miễn dịch bẩm sinh do thiếu sắt
29	Basedow
30	Đái tháo đường
31	Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh acid hữu cơ, acid amin, acid béo
32	Rối loạn dự trữ thể tiêu bào
33	Suy tuyến giáp
34	Suy tuyến yên

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp
35	Bệnh tâm thần *
36	Parkinson
37	Nghe kém ở trẻ em dưới 6 tuổi
38	Suy tim
39	Tăng huyết áp có biến chứng
40	Bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim
41	Bệnh tim bẩm sinh; Bệnh tim (có can thiệp, sau phẫu thuật van tim, đặt máy tạo nhịp)
42	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
43	Hen phế quản
44	Pemphigus
45	Pemphigoid (Bọng nước dạng Pemphigus)
46	Duhring – Brocq
47	Vảy nến
48	Vảy phấn đỏ nang lông
49	Á vảy nến *
50	Luput ban đỏ
51	Viêm bì cơ (Viêm đa cơ và da)
52	Xơ cứng bì hệ thống
53	Bệnh tổ chức liên kết tự miễn hỗn hợp (Mixed connective tissue disease)
54	Các trường hợp có chỉ định sử dụng thuốc chống thải ghép sau ghép mô, bộ phận cơ thể người
55	Di chứng do vết thương chiến tranh
56	Viêm gan mạn tính tiến triển; viêm gan tự miễn
57	Hội chứng viêm thận mạn; suy thận mạn
58	Tăng sản thượng thận bẩm sinh
59	Thiếu sản thận
60	Chạy thận nhân tạo chu kỳ, thẩm phân phúc mạc chu kỳ
61	Viêm xương tự miễn
62	Viêm cột sống dính khớp

Ghi chú: (*) là tên bệnh, nhóm bệnh quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

